

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ GIÁO DỤC PHÚ MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ GIÁO DỤC PHÚ MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU MINH INVESTMENT AND EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109005976

**3. Ngày thành lập:** 28/11/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 22, Đường Bãi Chạo, Thôn Nhuế, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2023     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm;<br>- Bán buôn hàng mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...;<br>- Chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, ...<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn dụng cụ học sinh, đồ chơi, trò chơi trẻ em | 4649     |
| 3.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4719     |
| 4.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, nước thơm, dầu thơm;<br>- Bán lẻ hàng mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...;<br>- Bán lẻ chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, ...                                                                                           | 4772     |
| 5.  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4789     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 7.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8511        |
| 8.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8512        |
| 9.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8521        |
| 10. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8522        |
| 11. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8523        |
| 12. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8531        |
| 13. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8532        |
| 14. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8533        |
| 15. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8541        |
| 16. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8542        |
| 17. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8543        |
| 18. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8551        |
| 19. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8552        |
| 20. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.<br>(trừ Dạy về tôn giáo và Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) | 8559(Chính) |
| 21. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8560        |
| 22. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4761        |
| 23. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6312        |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị trường học, thiết bị văn phòng, bán buôn máy máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng                                                                                                                                                                                                                       | 4659        |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4651        |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4741        |
| 27. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1811        |
| 28. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1812        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 28/11/2019 đến ngày 28/12/2019

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ ĐÌNH THIÊN | Thôn Ché, Xã Dị Ché, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 55,556    | 0330930033<br>24                                                                            |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 55,556    |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ VĂN THAO   | Thôn Ché, Xã Dị Ché, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông         | 20.000     | 200.000.000           | 11,111    | 145624203                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 20.000     | 200.000.000           | 11,111    |                                                                                             |         |

|   |             |                                                                     |                           |        |             |        |              |
|---|-------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ THỊ NHÀN | Thôn Nhuế, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000 | 600.000.000 | 33,333 | 001193013822 |
|   |             |                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                     | Tổng số                   | 60.000 | 600.000.000 | 33,333 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ ĐÌNH THIÊN**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **21/06/1993**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **033093003324**

Ngày cấp: **06/08/2018**

Nơi cấp: **Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Ché, Xã Dị Ché, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **Thôn Ché, Xã Dị Ché, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội